Phụ lục số 28

Nội dung Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ

*(ban hành kèm theo Thông tư hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở)*

BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ

Năm 2019

1. Thông tin về quỹ

a) Tên, loại hình quỹ: QUỸ ĐẦU TƯ ĐỊNH HƯỚNG BẢO TOÀN VỐN VIỆT NAM

b) Mục tiêu đầu tư của quỹ:

Mục tiêu đầu tư của Quỹ VFMVFC là hướng tới bảo vệ vốn đầu tư ban đầu cho nhà đầu tư và tìm kiếm lợi nhuận thông qua một danh mục đầu tư đa dạng hóa, bao gồm các tài sản có tính phòng vệ và các tài sản có khả năng tăng trưởng.

c) Thời hạn hoạt động của quỹ (nếu có): được tính từ ngày được UBCKNN chính thức điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, và không giới hạn về thời hạn hoạt động

d) Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio) (nếu có): không có

đ) Chính sách phân chia lợi nhuận:

Việc phân phối lợi nhuận hàng năm thực hiện dựa trên đề xuất của Ban đại diện quỹ và được Đại hội nhà đầu tư thông qua.

Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng đơn vị quỹ. Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại của quỹ. Công ty quản lý quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại điều lệ quỹ; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

e) Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tổng số chứng chỉ Quỹ tại ngày 03/04/2019 (ngày thành lập quỹ) |  5,669,740.00 | ccq |
| Tổng số lượng chứng Quỹ phát hành thêm trong kỳ  |  1,672,911.50  | ccq |
| Tổng số lượng chứng Quỹ mua lại trong kỳ |  (626,719.51) | ccq |
| Tổng số lượng chứng chỉ Quỹ tại ngày 31/12/2019 |  6,715,931.99  | ccq |

g) Nội dung thay đổi tại điều lệ quỹ trong kỳ báo cáo: không có

h) Nội dung Nghị quyết đại hội đồng cổ đông trong kỳ báo cáo (nếu có): không có, do quỹ được cấp phép thành lập ngày 03/04/2019 nên trong kỳ báo cáo không có tổ chức Đại hội nhà đầu tư.

i) Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Điều 45 Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở: Công ty Quản lý Quỹ đã thực hiện nghiêm chỉnh việc lập báo cáo tuần, tháng, quý theo quy định cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ

 Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 31/12 của 3 năm gần nhất (nếu có), cụ thể:

* Danh mục đầu tư của quỹ phân bố theo ngành, lĩnh vực và loại sản phẩm (cổ phiếu, trái phiếu...) *(không nêu chi tiết cả danh mục theo mã chứng khoán)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Chỉ tiêu  | 31/12/2019 |
| 1 | Cổ phiếu  | 29,0 |
| 2 | Chứng khoán nợ | 54,8 |
| 3 | Tiền mặt | 16,2 |
|  | Tổng cộng | 100,0 |

* Phân bổ tài sản theo ngành:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | (%NAV)  | 31/12/2019 |  |
| 1 | Thực Phẩm, NGK & Thuốc Lá | - |
| 2 | Bất Động Sản | 4,0 |
| 3 | Chứng khoán nợ | 54,8 |
| 4 | Ngân Hàng | 9,8 |
| 5 | Vận Tải | - |
| 6 | Vật Liệu | 1,3 |
| 7 | Thiết Bị và Phần Cứng Công nghệ | 4,1 |
| 8 | Hàng Hóa Công Nghiệp | 2,4 |
| 9 | Dệt May & Thiết Bị Tiêu Dùng | 3,2 |
| 10 | Bán lẻ | 3,7 |
| 11 | Ô-tô & Phụ Tùng Ô-tô | 0,6 |
| 12 | Tiện ích Công Cộng | - |
| 13 | Dịch vụ tài chính | - |
| 14 | Năng Lượng | - |
| 15 | Dược phẩm, công nghệ sinh học | - |
| 16 | Tiền mặt | 16,2 |
|  | Tổng cộng | 100,0 |

* Giá trị tài sản ròng của quỹ tại 31/12/2019: 69,306,104,798 đồng
* Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại 31/12/2019 : 10,319.65 đồng/ccq
* Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất trong kỳ báo cáo: 10,404.44 đồng/ccq
* Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ thấp nhất trong kỳ báo cáo: 9,987.93 đồng/ccq
* Tổng lợi nhuận của quỹ, nêu chi tiết phần lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn) và phần lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, trái tức, lãi suất tiền gửi…) (giá trị thu nhập):



* Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo, kể cả trong trường hợp chi trả bằng tiền mặt hoặc chi trả bằng đơn vị quỹ; thời điểm phân chia lợi nhuận; giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận: không có
* Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (*chỉ tính tại thời điểm cuối quý II và cuối quý IV của năm tài chính*):
* Tỷ lệ chi phí hoạt động trên GTTSR trung bình trong kỳ 2018(%): không có
* Tỷ lệ chi phí hoạt động trên GTTSR trung bình cùng kỳ 2019(%): 3.26%
	+ Tốc độ vòng quay danh mục (*chỉ tính tại thời điểm cuối quý II và cuối quý IV của năm tài chính*):
* Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ/NAV trung bình trong kỳ 2018: không có
* Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ/NAV trung bình trong kỳ 2019: 152.58%

b) Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

* + Tổng lợi nhuận năm 2018: không có
	+ Tổng lợi nhuận năm 2019: 1,933,912,886 đồng
	+ Lợi nhuận lũy kế đến 31/12/2019: 1,933,912,886 đồng

c) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc:

* Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác;
* Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập.

d) Báo cáo phải nêu rõ khuyến cáo rằng các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

1. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ

Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ phải bao gồm các nội dung sau:

a) Thuyết minh về việc thay đổi công ty quản lý quỹ (nếu có): không có

b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được các mục tiêu đầu tư (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của quỹ);

Kết thúc năm 2019, nhờ vào diễn biến tích cực của thị trường chứng khoán, kể từ khi thành lập (03/04/2019) giá trị tài sản ròng trên 1 chứng chỉ quỹ VFC tăng 3,2% trong khi chỉ số HNX 3Y Bond Total Return tăng 7,7% và VN-Index giảm 2,4% cùng kỳ.

c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị): VFMVFC không có danh mục tham chiếu cụ thể.

d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị): không có

e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ:

Chiến lược đầu tư của Quỹ dựa trên cơ sở phân tích kinh tế vĩ mô, phân tích cơ bản về doanh nghiệp và áp dụng chiến lược phòng vệ rủi ro để đưa ra các quyết định đầu tư hướng tới mục tiêu bảo toàn vốn và gia tăng lợi nhuận cho danh mục. Quỹ VFMVFC sẽ phân bổ vào các loại tài sản bao gồm tiền gửi tại các ngân hàng thương mại , ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, cổ phiếu niêm yết và chuẩn bị niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết và chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam cùng các loại tài sản tài chính khác theo quy định của pháp luật.

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo:

Về cơ cấu tài sản theo ngành (theo phân loại của GICS bậc 2), nhìn chung danh mục đầu tư của quỹ năm nay có sự tập trung vào 2 ngành nghề chính là Ngân Hàng và Thiết Bị & Phần Cứng Công nghệ. Ngoài ra, quỹ còn đầu tư vào chứng chỉ tiền gửi của các tổ chức tài chính và tiền gửi ngân hàng.

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất:

Trong giai đoạn 03/04/2019 – 31/12/2019, NAV/ccq của VFC đã tăng 3,2% nhờ các khoản đầu tư có lãi suất cố định như chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi ngân hàng. Các cổ phiếu mà quỹ đầu tư cũng tăng trưởng từ 1,7% - 36,7%.

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ được phép đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chip, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small- cap)…:

Trong năm 2019, chỉ số VN-Index tăng 7,7% so với cuối năm 2018, thị trường có cải thiện tốt về mặt thanh khoản với giá trị giao dịch bình quân từ đầu năm 2019 đến nay của sàn HOSE đạt 170 triệu USD/ngày. Tổng giá trị vốn hóa của thị trường cổ phiếu năm 2019 đạt gần 142 tỷ USD (+ 14,4% YoY). Chỉ số VN30 đại diện cho các cổ phiếu có vốn hóa lớn và thanh khoản hàng đầu Việt Nam có mức tăng 2,8%, chỉ số các cổ phiếu có vốn hóa vừa (VNMid-cap) có mức giảm 0,1% và chỉ số các cổ phiếu có vốn hóa nhỏ (VNSmall-cap) tăng 0,9%. Những ngành có tăng trưởng tốt nhất là Thiết Bị & Phần Cứng Công Nghệ (+55,8%), Ngân Hàng (+29,1%). Ngược lại, ngành giảm điểm nhiều nhất là Hàng Hoá Công Nghiệp (-10,7%) và Vật Liệu (-4,5%).

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ(nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách): không có

k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của cổ đông nắm giữ chứng chỉ quỹ: không có

m) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có)

4) Báo cáo về hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát

Thời gian giám sát hoạt động Quỹ: từ ngày 03 tháng 04 năm 2019 là ngày thành lập Quỹ đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 Ngân hàng giám sát phải đưa ra ý kiến về sự tuân thủ quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch của Công ty quản lý quỹ VFM trong quá trình vận hành và quản lý quỹ Đầu tư Định Hướng Bảo Toàn Vốn Việt Nam đối với các nội dung sau:

a) Thuyết minh về việc thay đổi ngân hàng giám sát (nếu có): từ 03 tháng 04 năm 2019 là ngày thành lập Quỹ đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 Quỹ không thay đổi Ngân hàng giám sát.

b) Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch: trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của quỹ Đầu tư Định Hướng Bảo Toàn Vốn Việt Nam, hạn mức đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật có liên quan, cụ thể như sau:

* Theo Điềm a, Khoản 10, Điều 1, Thông tư 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2016 (“Thông tư 15”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC (“Thông tư 183”) ngày 16 tháng 12 năm 2011 và Điểm a, Khoản 2, Điều 11, Điều lệ Quỹ quy định cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ mở phải đảm bảo: “Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của quỹ tại ngân hàng giám sát, quỹ mở không được đầu tư quá bốn mươi chín phần trăm (49%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng và ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan”.

Từ kỳ định giá ngày 09 tháng 04 năm 2019 đến kỳ định giá ngày 10 tháng 09 năm 2019, cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ đã phát sinh sai lệch so với quy định ở trên. Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng hạn mức đầu tư theo quy định pháp luật chậm nhất vào ngày 03 tháng 10 năm 2019 do Quỹ được cấp giấy phép thành lập vào ngày 03 tháng 04 năm 2019.

Tại kỳ định giá ngày 17 tháng 09 năm 2019, Công ty quản lý Quỹ đã điều chỉnh lại danh mục đầu tư của Quỹ cho các kỳ phát sinh sai lệch ở trên để hạn mức đầu tư đáp ứng theo quy định pháp luật.

Từ kỳ định giá ngày 17 tháng 09 năm 2019 đến tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, danh mục đầu tư của Quỹ đã tuân thủ Điểm a, Khoản 10, Điều 1, Thông tư 15 và Điểm a, Khoản 2, Điều 11, Điều lệ Quỹ.

* Theo Điểm b, Khoản 10, Điều 1, Thông tư 15 và Điểm b, Khoản 2, Điều 11, Điều lệ Quỹ quy định cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải đảm bảo: “Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ được phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau vào: tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng; ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan; cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành; chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro”.

Từ kỳ định giá ngày 09 tháng 04 năm 2019 đến kỳ định giá ngày 10 tháng 09 năm 2019, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với quy định ở trên. Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng hạn mức đầu tư theo quy định pháp luật chậm nhất vào ngày 03 tháng 10 năm 2019 do Quỹ được cấp giấy phép thành lập vào ngày 03 tháng 04 năm 2019.

Tại kỳ định giá ngày 17 tháng 09 năm 2019, Công ty quản lý đã điều chỉnh lại danh mục đầu tư của Quỹ cho các kỳ phát sinh sai lệch ở trên để hạn mức đầu tư đáp ứng theo quy định pháp luật.

Từ kỳ định giá ngày 17 tháng 09 năm 2019 đến tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, danh mục đầu tư của Quỹ đã tuân thủ Điểm b, Khoản 10, Điều 1, Thông tư 15 và Điểm b, Khoản 2, Điều 11, Điều lệ Quỹ.

* Theo Điểm c, Khoản 10, Điều 1, Thông tư 15 và Điểm c, Khoản 2, Điều 11, Điều lệ Quỹ quy định cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải đảm bảo: “Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu Chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi”.

Từ kỳ định giá ngày 09 tháng 04 năm 2019 đến kỳ định giá ngày 17 tháng 09 năm 2019, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với quy định ở trên. Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng hạn mức đầu tư theo quy định pháp luật chậm nhất vào ngày 03 tháng 10 năm 2019 do Quỹ được cấp giấy phép thành lập vào ngày 03 tháng 04 năm 2019.

Tại kỳ định giá ngày 24 tháng 09 năm 2019, Công ty quản lý Quỹ đã điều chỉnh lại danh mục đầu tư của Quỹ cho các kỳ phát sinh sai lệch ở trên để hạn mức đầu tư đáp ứng theo quy định pháp luật.

Từ kỳ định giá ngày 24 tháng 09 năm 2019 đến tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, danh mục đầu tư của Quỹ đã tuân thủ Điểm c, Khoản 10, Điều 1, Thông tư 15 và Điểm c, Khoản 2, Điều 11, Điều lệ Quỹ.

* Theo Điểm f, Khoản 10, Điều 1, Thông tư 15 và Điểm f, Khoản 2, Điều 11, Điều lệ Quỹ quy định: “Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của quỹ”.

Từ kỳ định giá ngày 29 tháng 04 năm 2019 đến kỳ định giá ngày 17 tháng 09 năm 2019 và tại kỳ định giá ngày 01 tháng 10 năm 2019, tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với quy định ở trên. Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng hạn mức đầu tư lần lượt chậm nhất vào ngày 03 tháng 10 năm 2019 do Quỹ được cấp giấy phép thành lập vào ngày 03 tháng 04 năm 2019 cho các kỳ phát sinh sai lệch từ kỳ định giá ngày 29 tháng 04 năm 2019 đến kỳ định giá ngày 17 tháng 09 năm 2019 và ngày 01 tháng 01 năm 2020 cho kỳ phát sinh sai lệch ngày 01 tháng 10 năm 2019.

Tại kỳ định giá ngày 24 tháng 09 năm 2019 và tại kỳ định giá ngày 08 tháng 10 năm 2019, Công ty Quản lý Quỹ đã thực hiện điều chỉnh danh mục đầu tư cho các kỳ phát sinh sai lệch ở trên để đáp ứng với quy định tại Điểm f, Khoản 10, Điều 1, Thông tư 15 và Điểm f, Khoản 2, Điều 11, Điều lệ Quỹ.

Từ kỳ định giá ngày 08 tháng 10 năm 2019 đến tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ đã tuân thủ Điểm f, Khoản 10, Điều 1, Thông tư 15 và Điểm f, Khoản 2, Điều 11, Điều lệ Quỹ.

* Theo Điểm j, Khoản 10, Điều 1, Thông tư 15 và Khoản 2, Điều 11, Điều lệ Quỹ quy định: “Cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ mở phải bảo đảm có chứng khoán của ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành”.

Từ kỳ định giá ngày 09 tháng 04 năm 2019 đến tại ngày 31 tháng 07 năm 2019, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với quy định ở trên. Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng hạn mức đầu tư chậm nhất ngày 03 tháng 10 năm 2019 do Quỹ được cấp giấy phép thành lập vào ngày 03 tháng 04 năm 2019.

Tại kỳ định giá ngày 06 tháng 08 năm 2019, Công ty Quản lý Quỹ đã thực hiện điều chỉnh danh mục đầu tư cho các kỳ phát sinh sai lệch ở trên để đáp ứng theo quy định pháp luật.

Từ kỳ định giá ngày 06 tháng 08 năm 2019 đến tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ đã tuân thủ Điểm j, Khoản 10, Điều 1, Thông tư 15 và Khoản 2, Điều 11, Điều lệ Quỹ.

Từ ngày 03 tháng 04 năm 2019 là ngày thành lập Quỹ đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, Quỹ không có bất kỳ hợp đồng vay và cho vay.

c) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ: việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ đã tuân thủ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch và các văn bản pháp luật có liên quan.

d) Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ: việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ đã tuân thủ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch;

Từ ngày 03 tháng 04 năm 2019 là ngày thành lập Quỹ đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, Quỹ đã thực hiện:

* Phát hành thêm chứng chỉ Quỹ: trong kỳ Quỹ phát hành thêm 1.672.911,50 chứng chỉ Quỹ theo mệnh giá là 16.729.115.000 đồng;
* Mua lại chứng chỉ Quỹ: trong kỳ Quỹ mua lại 626.719,51 chứng chỉ Quỹ với tổng giá trị mua lại theo mệnh giá là 6.267.195.100 đồng.

e) Việc phân chia lợi nhuận của quỹ là phù hợp với mục tiều đầu tư của Quỹ: từ ngày ngày 03 tháng 04 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, Quỹ không thực hiện phân chia lợi nhuận.

5. Báo cáo về hoạt động ủy quyền (nếu có)

Công ty quản lý quỹ phải lập váo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức khác (bên nhận ủy quyền), như dịch vụ đại lý chuyển nhượng, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng... với các nội dung sau:

1. Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ :

|  |  |
| --- | --- |
| Chỉ tiêu | Tỷ lệ |
| Tỷ lệ chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng so với lợi nhuận (lỗ) | 4.97% |
| Tỷ lệ chi phí dịch vụ Quản trị Quỹ so với lợi nhuận (lỗ) | 16.21% |

1. Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: không có
2. Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ):

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Chỉ tiêu |  Số liệu  |
| 1 | Chi phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng | 96,066,666 |
| 2 | Chi phí dịch vụ Quản trị Quỹ | 313,504,732 |
|   | Tổng cộng | 409,571,398 |

1. Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm hoạ.. của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

|  |  |
| --- | --- |
|   | Tổng Giám đốc Công ty quản lý QuỹTRẦN THANH TÂN |